TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày 08-9-2025
Vv tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa

2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 365/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số: 597/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng C (NHCSXH); địa chỉ: Số A, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ sau sáp nhập: Số A L, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: A T, xã T, tỉnh Gia Lai; là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của ông Dương Quyết T1 – Tổng Giám đốc NHCSXH và Giấy uỷ quyền ngày 11/3/2025 của ông Hoàng Nhất N – Giám đốc Chi nhánh); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Đặng Thị Như L, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; địa chỉ sau sáp nhập: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; địa chỉ sau sáp nhập: Thôn P, xã X, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 05/8/2019 bà Đặng Thị Như L và chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2 đề nghị Phòng giao dịch NHCSXH huyện C cho vay số tiền 20.000.000 đồng, để bắt nước sạch và xây nhà vệ sinh theo Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Sau khi có kết quả phê duyệt, ngày 22/8/2019 bà Đặng Thị Như L và chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2 được Phòng giao dịch NHCSXH huyện C giải ngân cho vay số tiền 20.000.000 đồng; Lãi suất cho vay 9%/năm; Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/8/2024.

Đến ngày 11/3/2025 bà Đặng Thị Như L và chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2 chưa trả nợ gốc và đã trả tiền lãi 2.077.155 đồng cho Phòng C huyện. Như vậy, tính đến hết ngày 10/3/2025 bà Đặng Thị Như L, chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2 còn nợ NHCSXH số tiền tổng cộng là 28.446.199 đồng trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng và nợ lãi là 8.446.199 đồng.

Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 29/8/2019 bà Đặng Thị Như L và chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2 đề nghị Phòng giao dịch NHCSXH huyện C cho vay số tiền 50.000.000 đồng, để chăn nuôi bò sinh sản, theo Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. Sau khi có kết quả phê duyệt, ngày 07/9/2019 bà Đặng Thị Như L và chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2 được Phòng giao dịch NHCSXH huyện C giải ngân cho vay số tiền 50.000.000 đồng; Lãi suất cho vay 8,25%/năm; Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/9/2022.

Đến ngày 11/3/2025 bà Đặng Thị Như L và chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2 chưa trả nợ gốc và đã trả tiền lãi 4.579.313 đồng cho Phòng C huyện. Như vậy, tính đến hết ngày 10/3/2025 bà Đặng Thị Như L, chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2 còn nợ NHCSXH số tiền tổng cộng là 69.874.578 đồng trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng và nợ lãi là 19.874.578 đồng.

Trong thời gian vay tiền, hộ gia đình bà L, chị T2 không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc, trả lãi vay. Do đó, Phòng C đề nghị Toà án buộc bà L và chị T2 phải thanh toán cho Ngân hàng C tính đến ngày 08/9/2025 với tổng số tiền 99.021.133 đồng trong đó nợ gốc 70.000.000 đồng, nợ lãi 29.021.133 đồng và tiền lãi phát sinh mới được tính theo quy định cho NHCSXH, cụ thể: Nợ gốc theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 05/8/2019 là 20.000.000 đồng, nợ lãi 8.816.557 đồng, tổng cộng là 28.816.557 đồng; Nợ gốc theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 29/8/2019 là 50.000.000 đồng, nợ lãi 20.204.576 đồng, tổng cộng là 70.204.576 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn bà Đặng Thị Như L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2 không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án.

Tại phiên Toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai phát

biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đề nghị như sau: Buộc bà Đặng Thị Như L và chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2 trả toàn bộ số nợ vay và tiền lãi cho Ngân hàng C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng C yêu cầu bà Đặng Thị Như L và chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2 trả nợ vay là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đặng Thị Như L cư trú tại thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T là Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Đặng Thị Như L và chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2 vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L, chị T2, ông T.

[3] Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà L, chị T2 không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng C cung cấp để giải quyết vụ án. Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 05/8/2019 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 29/8/2019, bà L có ký vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T. Giấy vay vốn này được xác lập giữa bà L và Phòng giao dịch. Bà L đã trả tiền lãi theo hai Giấy đề nghị vay vốn ngày 05/8/2019 và ngày 29/8/2019. Tại các giấy đề nghị gia hạn nợ, UBND xã P có xác nhận về các khoản nợ còn lại của bà L. Như vậy, việc vay nợ của bà L là có thật.

[4] Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 05/8/2019, bà Đặng Thị Như L vay số tiền 20.000.000 đồng, để bắt nước sạch và xây nhà vệ sinh. Ngày 22/8/2019, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C giải ngân cho vay số tiền 20.000.000 đồng; lãi suất cho vay 9%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Bà L chưa trả nợ gốc và đã trả tiền lãi

2.077.155 đồng. Như vậy, tính đến hết ngày 08/9/2025 bà Đặng Thị Như L còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tổng cộng là 28.816.557 đồng trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng và nợ lãi là 8.816.557 đồng.

[5] Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 29/8/2019, bà Đặng Thị Như L vay số tiền 50.000.000 đồng, để chăn nuôi bò sinh sản. Ngày 07/9/2019, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C giải ngân cho vay số tiền 50.000.000 đồng; lãi suất cho vay 8,25%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Bà L và chị T2 chưa trả nợ gốc và đã trả tiền lãi 4.579.313 đồng. Như vậy, tính đến hết ngày 08/9/2025 bà Đặng Thị Như L còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tổng cộng là 70.204.576 đồng trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng và nợ lãi 20.204.576 đồng.

[6] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng C, Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù chị T2 không ký tên trong Giấy đề nghị vay vốn nhưng ngày 05 tháng 8 năm 2019, chị T2 có ủy quyền cho bà L để thực hiện việc vay vốn. Bà L vay để sử dụng phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, chị T2 có nghĩa vụ cùng bà L phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định tại Điều 103, 288 của Bộ luật Dân sự. Do bà L, chị T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà L, chị T2 trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 05/8/2019 và Giấy đề nghị vay vốn ngày 29/8/2019 cho Ngân hàng như Ngân hàng yêu cầu. Ngoài ra, bà L, chị T2 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi hết nợ.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L sinh năm 1958 có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng C được chấp nhận nên chị T2 phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ của mình phải thực hiện là (99.021.133 đồng x 5%)/2 = 2.475.529 đồng án phí dân sự sơ thẩm, làm tròn thành 2.476.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 103, 288, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 12, 14, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Đặng Thị Như L, chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2 liên đới trả cho Ngân hàng C tổng số tiền 99.021.133 (chín mươi chín triệu không trăm hai mươi

mốt nghìn một trăm ba mươi ba) đồng, trong đó:

Nợ gốc theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 05/8/2019 là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, nợ lãi 8.816.557 đồng (tám triệu tám trăm mười sáu nghìn năm trăm năm mươi bảy) đồng; tổng cộng là 28.816.557 (hai mươi tám triệu tám trăm mười sáu nghìn năm trăm năm mươi bảy) đồng. Chia phần bà L, chị T2 mỗi người phải trả ½ nợ gốc và lãi.

Nợ gốc theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 29/8/2019 là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, nợ lãi là 20.204.576 (hai mươi triệu hai trăm lẻ bốn nghìn năm trăm bảy mươi sáu) đồng; tổng cộng: 70.204.576 (bảy mươi triệu hai trăm lẻ bốn nghìn năm trăm bảy mươi sáu) đồng. Chia phần bà L, chị T2 mỗi người phải trả ½ nợ gốc và lãi.

Kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của từng khoản vay theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 05/8/2019 và Giấy đề nghị vay vốn ngày 29/8/2019 cho đến khi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí:

Bà Đặng Thị Như L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xử lý tiền tạm ứng án phí.

Chị Nguyễn Đặng Thị Tuyết T2 phải chịu 2.476.000 (hai triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Hậu